

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HS-ST

Ngày 25 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Đức Hạnh

Ông Hoàng Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 22/9/2020 và 25/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2020/TLST-HS ngày 03/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 08/9/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐST- HS ngày 22/9/2020 đối với các bị cáo:

- Sùng Văn Ch (tên gọi khác: Sùng Văn L), sinh năm 1983, tại huyện X, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Th, xã N, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Sùng Sảo Th (đã chết) và bà Sùng Già L, sinh năm 1963; vợ: Hoàng Thị Ch, sinh năm 1980 và có 03 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 32/2014/HSPT ngày 05/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Văn Ch: Bà Nguyễn Thị Thanh H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; vắng mặt, có lý do.

- Trương Văn Th, sinh năm 1988, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn L, sinh năm 1970 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1967; vợ: Bàn Thị L, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh

năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 25/6/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

- Đặng Văn L, sinh năm 1975, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Trung Th, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Ngọc Y, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Lý Thị B, sinh năm 1946; vợ: Đặng Thị L, sinh năm 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 25/6/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

- Đặng Văn T, (tên gọi khác B), sinh năm 1977, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn N, sinh năm 1935 và bà Phàn Thị Y, sinh năm 1931; vợ: Hoàng Thị Th, sinh năm 1975 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 09/2013/HSST ngày 23/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xử phạt 04 tháng 13 ngày tù về tội đánh bạc, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 26/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Hoàng Thị Th, sinh năm 1975, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1945 và bà Đặng Thị Th, sinh năm 1948; chồng: Đặng Văn T, sinh năm 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 09/2013/HSST ngày 23/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xử phạt 04 tháng 13 ngày tù về tội đánh bạc, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 26/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1988, tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 và bà Lý Thị M, sinh năm 1968; vợ: Hoàng Thị V, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 02 con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 25/2015/HSST ngày 24/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 26/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Trương Văn V, sinh năm 1988, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Tr, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn H, sinh năm 1951 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1962; vợ: Đặng Thị Th, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2010 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã được xóa tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 25/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Phan Văn L1, sinh năm 1990, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Ng, sinh năm 1966 và bà Đặng Thị Ch, sinh năm 1967; vợ: Phan Thị D, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 25/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Dì Thị H, sinh năm 1978, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dì Dừng C (đã chết) và bà Trần Thị Nh, sinh năm 1954; chồng: Nông Văn T, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/5/2020 đến ngày 25/5/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Phan Thị D, sinh năm 1991, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Tr, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Ng, sinh năm 1969 và bà Đặng Thị Th, sinh năm 1968; chồng: Phan Văn Tr, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Phan Văn S, sinh năm 1971, tại huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Tr, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Th, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Phùng Thị L, sinh năm 1939; vợ: Đặng Thị Nh, sinh năm 1971 và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Bà Đặng Thị Nh, sinh năm 1971, trú tại: Thôn Tr, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang, có mặt.

+ Anh Phùng Văn Th1, sinh năm 1990, trú tại: Thôn Th, xã V, huyện Q, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 18/5/2020 Sùng Văn Ch có gọi điện thoại cho Đặng Văn L hỏi xem có chỗ nào chơi không (ý là để đánh bạc), L trả lời cứ xuống, để L hỏi đã, nhà L không chơi được. Khoảng 21 giờ cùng ngày L gọi điện thoại mời T đến nhà L ăn cơm uống rượu, T nói với L1 là L bảo xuống nhà uống rượu, khoảng 30 phút sau T chở L1 xuống nhà L, nhưng khi đến nơi gia đình L đã ăn cơm xong nên chỉ ngồi uống nước, sau đó L gọi điện thoại cho Phan Văn S là anh rể của L hỏi mượn nhà để L cùng mọi người đánh bạc, do nề L là em trai ruột của vợ nên Phan Văn S đã đồng ý, sau đó L gọi điện thoại bảo Trương Văn V đến nhà L chơi, V đồng ý và đi bộ đến nhà L, khi đến nơi V nhìn thấy T và L1 đang ngồi uống nước ở nhà L, L nói nếu đánh bạc thì đi sang nhà anh rể chơi. Khi L, V, T, L1 đi xuống gần sân thì thấy Sùng Văn Ch, Trương Văn Th, Nguyễn Văn Ph, Phùng Văn Th1 vừa đến gần sân nhà L. Thấy V, T, L1, L đi ra Ch, Th, Th1, Ph cũng đi theo, ra đến cổng thì gặp Di Thị H và Hoàng Thị Th, lúc này Th hỏi V có nhìn thấy anh T (chồng của Th) không, V trả lời anh T đi lên nhà ông S để đánh bạc, Th và H cũng đi cùng luôn, do H nói bị đau chân nên Th và Ch đi hộ xe máy của H vào nhà S, khi đến nhà ông S có ông S và bà Đặng Thị Nh (vợ của ông S) ở nhà, ông S không nói gì đi ra ngoài hút thuốc lá sau đó đi ngủ, còn bà Nh rót nước cho mọi người uống sau đó đi ngủ. Trương Văn Th đi xuống bếp nhà ông S làm quân vị bằng tre dóm, T và Ch cũng xuống bếp để xem Th cắt quân vị và quan sát bát, đĩa; sau đó Ch lấy 01 cái bát để trong chậu do gia đình nhà ông S ăn cơm chưa rửa rồi đưa cho Đặng Văn T bảo cầm lên nhà tí đánh bạc, còn cái đĩa do có sẵn trên nhà ông S từ trước đó nên không ai cầm lên nữa, sau khi xem Th cắt quân vị xong T cầm bát, Th cầm quân vị lên nhà để mọi người cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Khoảng 23h 30 phút cùng ngày bắt đầu đánh bạc, trước khi đánh bạc L có nói với mọi người nếu ai lên tay (tức là thắng bạc) thì cho L xin 100.000 đồng, L đã thu được số tiền 400.000 đồng của Ch, Th, Ph và V, mục đích của L là để trả tiền điện, nước cho ông S chủ nhà. Lúc bắt đầu đánh bạc Sùng Văn Ch là người xóc đĩa, mỗi ván người chơi đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, đánh được khoảng 30 phút thì Ch đổi cho Th xóc đĩa. Đến khoảng 23h 45 phút cùng ngày thì Phan Thị D nhà ở gần nhà ông S nghe thấy mọi người nói chuyện to nên sang xem, thấy mọi người đang đánh bạc D cũng tham gia đánh bạc cùng, sau đó thua hết tiền và đi về nhà. Đến khoảng 01 giờ 30 phút rạng sáng 19/5/2020 thì bị tổ công tác của Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang mọi người đang đánh bạc và thu giữ trên

chiếu bạc 6.100.000 đồng. Quá trình điều tra chứng minh được tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.337.000 đồng.

Hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa do một người cầm cái đặt 04 quân vị làm bằng tre lên 01 chiếc đĩa, đập 01 chiếc bát sứ lên đĩa rồi cầm bát đĩa xóc cho 04 quân vị ở trong lòng bát đĩa dịch chuyển, đảo lộn, khi người cầm cái xóc xong thì những người chơi bắt đầu đặt cược tiền. Phía bên phải người xóc cái được quy định là cửa chắn, bên trái là cửa lẻ, khi người chơi đặt cược tiền xong thì người cầm cái mở bát, nếu thấy có 4 quân đen, 4 quân trắng hoặc 2 quân trắng 2 quân đen là cửa chắn, còn 3 quân trắng 1 quân đen hoặc 3 quân đen 1 quân trắng là cửa lẻ. Số tiền đánh từng ván do người chơi tự thỏa thuận với nhau, số tiền người chơi đặt cửa thắng được trả tương ứng với số tiền đã đặt cược. Người đặt cược ít nhất là 50.000đ/ván, nhiều nhất là 200.000đ/ván. Lúc bắt đầu đánh bạc Sùng Văn Ch là người xóc đĩa, đánh được khoảng 30 phút thì Ch đổi cho Trương Văn Th xóc đĩa.

Quá trình điều tra chứng minh được số tiền đánh bạc như sau:

1. Sùng Văn Ch mang theo số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc lúc thắng, lúc thua, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo số tiền 400.000 đồng.

2. Trương Văn Th mang theo số tiền 5.600.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng. Th cho Trương Văn V vay 5.000.000 đồng, cho Dì Thị H vay 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Th chạy trốn cầm theo số tiền 3.000.000 đồng nhưng đã bị rơi, Cơ quan công an đã truy tìm nhưng không có kết quả.

3. Đặng Văn L mang theo số tiền 700.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc L có thu tiền của người tham gia đánh bạc được 400.000 đồng. Quá trình đánh bạc thua, khi bị bắt quả tang thu giữ trên người số tiền là 800.000 đồng. Ngoài ra L còn tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng để trong túi quần, đây là số tiền của gia đình bị cáo mới bán trâu mà có, vợ bị cáo giao cho L cất giữ để mua xe máy cho con trai, bị cáo không sử dụng để đánh bạc.

4. Đặng Văn T mang theo số tiền 1.020.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc trả cho H 1.000.000 đồng để H tham gia đánh bạc; T vay của L1 200.000 đồng để tiếp tục đánh bạc bị thua hết tiền.

5. Hoàng Thị Th mang theo số tiền 100.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc bị thua hết tiền.

6. Nguyễn Văn Ph mang theo số tiền 600.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc bị thua hết tiền.

7. Phan Văn L1 mang theo số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc lúc thắng, lúc thua, cho Đặng Văn T vay 200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang L1 cầm theo số tiền 200.000 đồng chạy trốn nhưng đã bị rơi, Cơ quan công an đã truy tìm nhưng không có kết quả.

8. Trương Văn V mang theo số tiền 390.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc bị thua, còn 200.000 đồng cất vào túi quần rồi vay của Trương Văn Th 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, khi bị Công an huyện Q bắt quả tang V cất giấu số tiền 4.400.000 đồng còn lại dưới đệm ngủ nhà ông S cạnh chiếu bạc. Công an huyện Q đã thu giữ toàn bộ số tiền 4.600.000 đồng.

9. Di Thị H không mang theo tiền để đánh bạc, khi đến nơi đòi nợ được Đặng Văn T số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc bị thua, sau đó vay của Trương Văn Th 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, khi bị bắt quả tang còn 300.000 đồng bỏ xuống chiếu bạc, cơ quan Công an đã thu giữ.

10. Phan Thị D mang theo số tiền 137.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc bị thua, lúc ra về cầm theo 37.000 đồng đã chi tiêu cá nhân hết.

Về vật chứng của vụ án: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang cơ quan đã thu giữ trên chiếu bạc và trên người các bị cáo số tiền: 16.100.000 đồng.

- 01 (một) bát sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ, đen mặt dưới có in chữ Zhuyuanchina đã qua sử dụng.

- 01 (một) đĩa sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ, đen, đã vỡ thành nhiều mảnh nhỏ, kích thước khác nhau.

- 04 (bốn) quân vị bằng tre đóm, một mặt bôi đen, mặt còn lại để trắng tự nhiên, có kích thước 01cm x 01cm.

- 01 (một) chiếu nhựa có màu xanh, in hình hoa văn màu vàng, kích thước 1,6m x 2m, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) máy điện tử hình vuông, có vỏ ngoài màu đen, hai đầu có gắn dây, một mặt in chữ APZD.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 loại màn hình cảm ứng có vỏ màu xanh, màn hình màu đen có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0372538496 trên thẻ sim có dãy số 8984 0488 5100 1315 823 và 01 thẻ sim có số thuê bao 0362887321 trên thẻ sim có dãy số 8984 0480 0001 8743 641 là điện thoại của Trương Văn V.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NEFFOS vỏ màu đen, mặt sau và màn hình bị vỡ nứt, có gắn thẻ sim 0349639316, trên thẻ sim có dãy số 8984 0480 0008 0562 777 là điện thoại của Đặng Văn L.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại màn hình cảm ứng có vỏ màu đen, màn hình màu đen có gắn thẻ sim có số thuê bao 0835975156, trên thẻ sim có dãy số 8984 02000 là điện thoại của Sùng Văn Ch.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động đen trắng nhãn hiệu Nokia 105 vỏ ngoài màu đen, màn hình màu đen có gắn thẻ sim số thuê bao 0354698118, trên thẻ sim có dãy số 8984 0480 0002 8717 471 là điện thoại của Trương Văn Th.

Theo kết luận giám định số 179/KL-PC09 ngày 16/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Toàn bộ số tiền 16.100.000 đồng tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 09/CT - VKS ngày 03/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Sùng Văn Ch (Sùng Văn L), Trương Văn Th, Đặng Văn L, Đặng Văn T (B), Hoàng Thị Th, Nguyễn Văn Ph, Phan Văn L1, Trương Văn V, Di Thị H và Phan Thị D về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phan Văn S về tội Gá bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Sùng Văn Ch từ 9 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph từ 7 đến 9 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn Th từ 8 đến 11 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Văn L từ 6 đến 9 tháng tù,

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 8 đến 10 tháng tù, Hoàng Thị Th từ 7 đến 9 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn V, Di Thị H, Phan Thị D từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn L1 từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn S từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Ch nhất trí với tội danh, điều luật, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội và đề nghị cho bị cáo được miễn án phí.

Các bị cáo nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai của những người làm chứng trùng khớp với lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Q trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 23 giờ 30 phút ngày 18/5/2020 đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 19/5/2020, tại nhà ở của bị cáo Phan Văn S ở thôn Tr, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang các bị cáo Sùng Văn Ch, Trương Văn Th, Đặng Văn L, Đặng Văn T, Hoàng Thị Th, Nguyễn Văn Ph, Phan Văn L1, Trương Văn V, Di Thị H và Phan Thị D đã có hành vi đánh bạc cùng nhau bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. L là người hỏi mượn địa điểm để đánh bạc, Th là người cất quân vị, Ch là người lấy bát, khi bắt đầu chơi Ch là người xóc đĩa, sau đó đổi cho Th là người xóc đĩa với tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.337.000 đồng, trong đó: thu giữ tại chiếu bạc 6.100.000, Phan Văn L1 cầm theo khi chạy trốn 200.000 đồng; Trương Văn Th cầm theo khi chạy trốn 3.000.000 đồng; Phan Thị D cầm về nhà sau khi chơi bị thua 37.000 đồng. Theo lời khai của những người tham gia đánh bạc thì tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 10.047.000 đồng. Nhưng tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, cơ quan công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền thu giữ tại chiếu bạc 6.100.000 và số tiền các bị cáo cầm theo lúc chạy trốn tổng cộng 3.237.000 đồng nên tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc được tính là 9.337.000 đồng. Do vậy hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Phan Văn S biết rõ là Long hỏi mượn nhà của mình để đánh bạc, nhận thức được việc đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng đã đồng ý sử dụng nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình, cho mượn bát đĩa, chiếu ngồi để cho 10 người làm nơi tụ tập đánh bạc trong cùng một lúc với tổng số tiền đánh bạc là 9.337.000 đồng, việc cho mượn nhà của mình làm nơi đánh bạc do nể L là em rể của S, không có mục đích lợi nhuận, không nhằm thu lợi bất chính, không biết có bao nhiêu người đánh bạc nên hành vi của S không phải là hành vi của người gá

bạc mà hành vi của người tổ chức đánh bạc. Do vậy hành vi của Phàn Văn S đã phạm tội tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố hành vi của Phàn Văn S đã phạm tội Gá bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chưa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Phùng Văn Th1 đi cùng Ph, Th, Ch đến nhà L, có mặt tại nhà bị cáo S từ đầu cho đến khi công an bắt quả tang mọi người tham gia đánh bạc, thu giữ trên người Th1 01 máy điện tử, nghi là chíp điện tử đánh bạc bịp, quá trình điều tra chứng minh được Th1 không tham gia đánh bạc nên không xem xét xử lý về hình sự đối với Th1.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, là một tệ nạn xã hội trực tiếp xâm phạm đến nếp sống văn minh, trật tự công cộng trong xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng hành vi đánh bạc trái phép, tổ chức đánh bạc là vi phạm pháp luật và thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác như trộm cắp tài sản, cướp tài sản... nhưng vì ham chơi, muốn kiếm tiền nhanh chóng mà không phải lao động nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[4] Đây là vụ án có nhiều người cùng cố ý thực hiện tội phạm, là đồng phạm nhưng không có sự phân công, câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện. Trong vụ án này, bị cáo Ch là người khởi xướng trước đã gọi điện cho L xem có chỗ nào đánh bạc không, chuẩn bị bát cho việc đánh bạc, lúc đầu là người xóc cái và tham gia đánh bạc ngay từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang. Bị cáo Th tuy không phải là người khởi xướng nhưng là người có vai trò tích cực, trực tiếp đi cất quân bài, là người xóc cái và tham gia đánh bạc ngay từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang với số tiền nhiều nhất. Bị cáo L là người trực tiếp hỏi mượn địa điểm để đánh bạc. Các bị cáo T, Th, Ph, L1, V, H và D cũng đã lần lượt vào tham gia đánh bạc nhưng với số tiền ít. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ: Các bị cáo Ch, T, Th, Ph là người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo Ch ngày 05/12/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm tuyên phạt 09 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích. Các bị cáo T, Th ngày 23/9/2013 các bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tuyên phạt 04 tháng 13 ngày tù về tội đánh bạc. Đối với bị cáo Ph ngày 24/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà đến ngày 19/5/2020 bị cáo lại cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và

phòng ngừa chung. Bị cáo Ch là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ phạm tội và cũng là người xóc cái nên bị cáo Ch phải chịu mức án nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Ch, T, Th, Ph theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T, Th là người ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình cần xem xét cho các bị cáo T, Th hưởng mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng không phải lần đầu nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Bị cáo Th là người chuẩn bị quân bài, tham gia xóc cái và là người dùng số tiền tham gia đánh bạc với số lượng lớn nhất, Bị cáo L là người hỏi mượn địa điểm để đánh bạc. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần cách ly các bị cáo Th, L ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung. Xét về nhân thân bị cáo Th, L là người có nhân thân tốt. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền dùng đánh bạc của bị cáo L ít. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Th là người ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Các bị cáo L1, V, H, D tham gia đánh bạc với số tiền ít, nên khi xử phạt chỉ cần lên mức án nhẹ hơn các bị cáo khác cũng đủ để tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo L1, V, H, D là người có nhân thân tốt. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo L1 ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo V, H, D theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L1 theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Bị cáo Phan Văn S là người cho mượn nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình để làm địa điểm cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc nhưng việc cho mượn nhà là do nể nang, bị cáo không có mục đích thu lợi bất chính từ việc cho mượn địa điểm. Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người không biết chữ, nhận thức về xã hội và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo S theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Các bị cáo L1, V, H, D, S đều có nơi cư trú rõ ràng, luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, chấp hành đúng theo giấy báo, giấy triệu tập của toà án. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo L1, V, H, D, S hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm chung.

[10] Khi quyết định hình phạt cần khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam cho bị cáo Th là 38 ngày (từ ngày 19/5/2020 đến 25/6/2020); bị cáo L là 38 ngày (từ ngày 19/5/2020 đến 25/6/2020); bị cáo T là 08 ngày (từ ngày 19/5/2020 đến 26/5/2020); bị cáo Th là 08 ngày (từ ngày 19/5/2020 đến 26/5/2020); bị cáo Ph là 08 ngày (từ ngày 19/5/2020 đến 26/5/2020) theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo đều thuộc gia đình khó khăn, nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập ổn định nên không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[12] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 6.100.000 đồng. Truy thu sung công quỹ nhà nước đối với bị cáo Phan Văn L1 số tiền 200.000 đồng cầm theo trong lúc chạy trốn đã đánh rơi, bị cáo Trương Văn Th số tiền 3.000.000 đồng cầm theo khi chạy trốn đã đánh rơi, bị cáo Phan Thị D 37.000 đồng cầm về nhà sau khi chơi bị thua. Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng như 01 bát sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ, đen mặt dưới có in chữ Zhuyuanchina, 01 đĩa sứ màu trắng đã vỡ thành nhiều mảnh nhỏ, kích thước khác nhau, 04 quân vị bằng tre dóm, một mặt bôi đen, mặt còn lại để trắng tự nhiên, có kích thước 01cm x 01cm, 01 chiếu nhựa có màu xanh, in hình hoa văn màu vàng, kích thước 1,6m x 2m.

[13] 02 máy điện tử hình vuông, có vỏ ngoài màu đen, hai đầu có gắn dây, một mặt in chữ APZD trong đó 01 chiếc thu giữ trên người của Phùng Văn Th1; 01 chiếc khi kiểm tra mở rộng phát hiện thu giữ dưới gầm sàn nhà ông S, không xác định được của ai. Quá trình thu giữ công an nghi là chíp sử dụng đánh bạc bịp, là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[14] Đối với số tiền 10.000.000 đồng để trong túi quần, khi bị bắt quả tang L đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an, đây là số tiền của gia đình bị cáo mới bán trâu mà có, vợ bị cáo L đưa cho L cất giữ để mua xe máy cho con trai, bị cáo không sử dụng để đánh bạc nên cần xem xét trả lại cho bị cáo L.

[15] 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 loại màn hình cảm ứng có vỏ màu xanh, màn hình màu đen của Trương Văn V; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NEFFOS vỏ màu đen, mặt sau và màn hình bị vỡ nứt của Đặng Văn L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại màn hình cảm ứng có vỏ màu đen, màn hình màu đen của Sùng Văn Ch, 01 chiếc điện thoại di động đen trắng nhãn hiệu

Nokia 105 vỏ ngoài màu đen, màn hình màu đen của Trương Văn Th là những vật chứng không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần xem xét trả lại cho các bị cáo.

[16] Về án phí: Người bào chữa cho bị cáo Ch đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí cho bị cáo Ch với lý do bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội khó khăn nhưng không có đơn xin miễn nộp án phí nên đề nghị của người bào chữa về miễn án phí không được chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng Văn Ch (tên gọi khác Sùng Văn L), Trương Văn Th, Đặng Văn L, Đặng Văn T (tên gọi khác B), Hoàng Thị Th, Nguyễn Văn Ph, Phan Văn L1, Trương Văn V, Di Thị H và Phan Thị D phạm tội Đánh bạc.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn S phạm tội tổ chức đánh bạc.

Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng Văn Ch (tên gọi khác Sùng Văn L) 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 19/5/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn Th 8 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ trước đó là 38 ngày (tính từ ngày 19/5/2020 đến 25/6/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T (tên gọi khác B) 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ trước đó là 08 ngày (từ ngày 19/5/2020 đến 26/5/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Th 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ trước đó là 08 ngày (từ ngày 19/5/2020 đến 26/5/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn L 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó là 38 ngày (tính từ ngày 19/5/2020 đến 25/6/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi

hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ trước đó là 08 ngày (từ ngày 19/5/2020 đến 26/5/2020).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn L1 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn V 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án; Xử phạt bị cáo Dì Thị H 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án; Xử phạt bị cáo Phan Thị D 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn S 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phan Văn L1, Dì Thị H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, bị cáo Trương Văn V, Phan Thị D, Phan Văn S cho ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự ; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 6.100.000^d (Sáu triệu một trăm nghìn đồng).

- Truy thu sung công quỹ nhà nước của bị cáo Phan Văn L1 số tiền 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng), bị cáo Trương Văn Th1 số tiền 3.000.000^d (Ba triệu đồng), bị cáo Phan Thị D1 số tiền 37.000^d (Ba mươi bảy nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng có hoa văn màu đỏ, đen mặt dưới có in chữ Zhuyuanchina đã qua sử dụng; 01 đĩa sứ màu trắng đã vỡ thành nhiều mảnh nhỏ, kích thước khác nhau; 04 quân vị bằng tre đốt, một mặt bôi đen, mặt còn lại để trắng tự nhiên, có kích thước 01cm x 01cm; 01 chiếc nhựa có màu xanh, in hình hoa văn màu vàng, kích thước 1,6m x 2m, đã qua sử dụng; 02 máy điện tử hình vuông, có vỏ ngoài màu đen, hai đầu có gắn dây, một mặt in chữ APZD.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Văn L số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Trương Văn V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 loại màn hình cảm ứng có vỏ màu xanh, màn hình màu đen có gắn thẻ sim mang số thuê bao 0372538496 và 0362887321 trên thẻ sim có dãy số 8984 0488 5100 1315 823 và 8984 0480 0001 8743 641; bị cáo Đặng Văn L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NEFFOS vỏ màu đen, mặt sau và màn hình bị vỡ nứt có gắn thẻ sim 0349639316, trên thẻ sim có dãy số 8984 0480 0008 0562 777; bị cáo Sùng Văn Ch 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại màn hình cảm ứng có vỏ màu

đen, màn hình màu đen có gắn thẻ sim có số thuê bao 0835975156, trên thẻ sim có dãy số 8984 02000; bị cáo Trương Văn Th 01 chiếc điện thoại di động đen trắng nhãn hiệu Nokia 105 vỏ ngoài màu đen, màn hình màu đen có gắn thẻ sim số thuê bao 0354698118, trên thẻ sim có dãy số 8984 0480 0002 8717 471.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang ngày 04/8/2020.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Sùng Văn Ch, Trương Văn Th, Đặng Văn L, Đặng Văn T, Hoàng Thị Th, Nguyễn Văn Ph, Phan Văn L1 Trường Văn V, Di Thị H, Phan Thị D và Phan Văn S mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng).

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND H.Q
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- CA huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND xã Th, xã B, xã T;
- UBND xã V, thị trấn Y;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hải Phương

